

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Số: 340/2021/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. Thanh Hóa, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 423/2021/TLST – HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Nam T - sinh năm 1994

Địa chỉ: Xã Q, thành phố SS, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Phạm Thị T - sinh năm 1995

Địa chỉ: Xã Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 7 năm 2021, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T có 01 con chung là Trần Thị Hà M - sinh ngày 10/5/2020. Ly hôn, anh chị thỏa thuận, giao cháu Hà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ(một triệu đồng)/01tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hà M đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T thỏa thuận, chị T

chịu trách nhiệm nộp lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T.

- Về con chung: Công nhận cháu Trần Thị Hà M - sinh ngày 10/5/2020 là con chung của anh T, chị T. Giao cháu Hà M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ(một triệu đồng)/01tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi cháu Hà M đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Trần Nam T và chị Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Phạm Thị T nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0012621, ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP TH;
- UBND xã QH, TP SS;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Xuân Hùng